

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HNGĐ- ST
Ngày 22/8/2017
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Sang;
2. Bà Phạm Hồng Thiêm;

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy– Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2017, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 19/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Duy K, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2016 và các bản tự khai ngày 10/02/2017; ngày 19/6/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Đoàn Duy K đều ở xã T2, anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/01/1998 tại Ủy ban nhân dân xã T2; sau đó, vợ chồng chung sống tại gia đình chồng. Năm 2005, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân do tính tình không hợp, do anh K rượu chè, đánh đập vợ. Do vợ chồng mâu thuẫn nên từ năm 2007, chị đã bỏ đi nơi khác làm ăn và sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Vì vậy, chị có nguyện vọng ly hôn anh K; hiện nay chị không mang thai.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đoàn Thùy L, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2000; chị đề nghị giao anh K trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/1tháng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh K nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Bà Nguyễn Thị X cho biết: Bà là mẹ đẻ anh K, hiện sống cùng anh K và con chung của anh chị; anh K là lao động tự do làm việc ở tỉnh Quảng Ninh, thỉnh thoảng về thăm nhà rồi lại đi nên chỉ có bà và con chung của anh chị thường xuyên ở nhà. Anh K và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22/01/1998; rồi chung sống tại gia đình anh K. Vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp. Từ năm 2007 đến nay, chị N không còn chung sống với anh K nữa. Ý kiến của anh K về giải quyết vụ án là: Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng anh K- chị N có một con chung là Đoàn Thùy L, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2000. Vợ chồng anh K, chị N không có tài sản chung.

Do anh K vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều Bộ luật Tố tụng dân sự được; phải đưa ra xét xử.

Sau khi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 đề nghị xử cho chị N ly hôn anh K; giao con chung cho anh K nuôi dưỡng; chấp nhận tự nguyện cấp dưỡng của chị N; không đặt ra giải quyết tài sản chung. Chị N phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn là anh Đoàn Duy K vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 1; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị N và anh K là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng; hiện nay, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị N- anh K đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử

cho chị N ly hôn anh K.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đoàn Thùy L, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2000. Trong quá trình tố tụng, chị N đều có nguyện vọng giao anh K trực tiếp nuôi dưỡng con chung; tại phiên tòa, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 2.000.000đồng/1tháng. Xét việc từ khi vợ chồng anh chị không sống chung với nhau thì con chung chỉ ở với bố và bà nội đã già; khi chị N có yêu cầu ly hôn thì con chung của anh chị có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Thùy L; chấp nhận việc chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 09 năm 2017 đến khi con chung thành niên.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Trần Thị N phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 228; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5; Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N ly hôn anh Đoàn Duy K.

2. Về con chung:-Vợ chồng chị N- anh K có một con chung là Đoàn Thùy L, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2000.

-Xử giao con chung Đoàn Thùy L cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày 01 tháng 09 năm 2017 đến khi con chung thành niên.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; 300.000,đồng án phí cấp dưỡng định kỳ; cộng là 600.000đồng án phí; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000889 ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị N còn phải nộp 300.000đồng án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình;
- VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tòng